

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/DS-ST
Ngày: 13 - 11 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Chiến;
2. Ông Đặng Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 92/2019/TLST-DS ngày 01/8/2019 về tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST-DS ngày 15/10/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2019/QĐST-DS ngày 31/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng S.

Địa chỉ: Đường N, Phường X, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D. Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng S.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Xuân L. Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch C, chi nhánh Đ, Ngân hàng S (theo giấy ủy quyền số 4074/2018/GUQ-PL ngày 10/12/2018).

- Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Kim L – Chuyên viên quản lý tín dụng phòng giao dịch C, chi nhánh Đ, Ngân hàng S (theo giấy ủy quyền số: 70/2019/GUQ/CK ngày 12/11/2019). Có mặt.

Địa chỉ: Buôn E, xã B1, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Công H, bà Nguyễn Thị M.

Địa chỉ: Thôn A, xã E1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 6 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Kim L là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 12/4/2018 vợ chồng ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị M ký hợp đồng cho vay số LD1810200207 với phòng giao dịch C – chi nhánh Đ - Ngân hàng S (sau đây viết tắt là Ngân hàng) để vay số tiền 350.000.000 đồng, lãi suất 11,5%/năm, thời hạn vay 12 tháng, hạn trả nợ vào ngày 14/4/2019. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay này ông H và bà M ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0436/2016/TC/CK ngày 21/4/2016 với Ngân hàng để thế chấp cho Ngân hàng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 310, tờ bản đồ số 3, diện tích đất 6040m², địa chỉ thửa đất: Xã E1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U ***** do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 24/12/2001 cho hộ Nguyễn Văn T, tặng cho ông Nguyễn Công H ngày 23/3/2016.

Quá trình vay tiền đến nay ông H và bà M đã trả cho Ngân hàng được 52.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ Ngân hàng 298.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 13/11/2019 là 77.497.620 đồng.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Công H, bà Nguyễn Thị M phải trả Ngân hàng 375.497.620 đồng. Trong đó tiền gốc là 298.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 13/11/2019 là 77.497.620 đồng, tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 14/11/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp ông H, bà M không trả được nợ thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản ông H, bà M đã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19 tháng 9 năm 2019 bị đơn ông Nguyễn Công H trình bày:

Ông Nguyễn Công H thống nhất với lời khai của đại diện Ngân hàng về hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng cho vay, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mà vợ chồng ông H và bà Nguyễn Thị M đã ký với Ngân hàng, tài sản thế chấp cho Ngân hàng để vay tiền, khoản tiền ông H và bà M vay của Ngân hàng, số tiền đã trả và số tiền còn nợ Ngân hàng như đại diện Ngân hàng trình bày là đúng. Nguyên nhân vợ chồng ông H, bà M chưa trả được nợ cho Ngân hàng do gia đình ông gặp hoàn cảnh khó khăn nên không trả nợ cho Ngân hàng theo cam kết trong hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng.

Nay Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông H, bà M phải trả Ngân hàng 375.497.620 đồng. Trong đó tiền gốc là 298.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 13/11/2019 là 77.497.620 đồng, tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 14/11/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Ông H chấp nhận trả cho Ngân hàng số tiền trên và có nguyện vọng Ngân hàng cho ông H, bà M thời gian để bán đất

trả nợ cho Ngân hàng. Trường hợp ông H, bà M không trả được nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà M không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập nên không lấy lời khai được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Bị đơn cư trú tại huyện K nên Toà án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định.

Xác định đúng tư cách đương sự. Về thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đương sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S, buộc ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị M phải trả cho Ngân hàng S số tiền 375.497.620 đồng; trong đó tiền nợ gốc là 298.000.000 đồng; tiền lãi tính đến ngày 13/11/2019 là 77.497.620 đồng, tiếp tục tính tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cấp tín dụng ông H và bà M đã ký với Ngân hàng từ ngày 14/11/2019 đến ngày ông H và bà M trả hết tiền nợ gốc cho Ngân hàng. Trường hợp ông H, bà M không trả được nợ, xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông H, bà M phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Về án phí: Buộc ông H, bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Công H, bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền 375.497.620 đồng; trong đó tiền nợ gốc là 298.000.000 đồng; tiền lãi tính đến ngày 13/11/2019 là 77.497.620 đồng,

tiếp tục tính tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay ông H và bà M đã ký với Ngân hàng từ ngày 14/11/2019 đến ngày ông H và bà M trả hết tiền nợ gốc cho Ngân hàng, đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”; bị đơn ông H, bà M cư trú tại xã E1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn bà Nguyễn Thị M nhưng bà M không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị M đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Ngày 12/4/2018 ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị M ký hợp đồng cho vay số LD1810200207 với Ngân hàng để vay số tiền 350.000.000 đồng, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 11,5%/năm, thời hạn vay 12 tháng, hạn trả nợ vào ngày 14/4/2019. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình vay nợ ông H và bà M đã trả cho Ngân hàng được 52.000.000 đồng tiền gốc. Hiện nay ông H, bà M còn nợ Ngân hàng S số tiền gốc là 298.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 13/11/2019 là 77.497.620 đồng. Như vậy giữa các bên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của hợp đồng dân sự vay tài sản. Đến hạn trả nợ, ông H và bà M không thanh toán được nợ cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Nguyện vọng của bị đơn ông Nguyễn Công H đồng ý trả Ngân hàng số tiền như trên. Về thời hạn trả ông H đề nghị đợi ông bán đất xong sẽ trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng là không có cơ sở nên không chấp nhận.

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và hợp đồng tín dụng đã được ký kết, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị M phải trả cho Ngân hàng số tiền 375.497.620 đồng; trong đó tiền nợ gốc là 298.000.000 đồng; tiền lãi tính đến ngày 13/11/2019 là 77.497.620 đồng, tiếp tục tính tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cấp tín dụng ông H và bà M đã ký với Ngân hàng từ ngày 14/11/2019 đến ngày ông H và bà M trả hết tiền nợ gốc cho Ngân hàng.

Sau khi ông H, bà M trả nợ xong thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho ông H và bà M 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U ***** do UBND

huyện K cấp ngày 24/12/2001 mang tên hộ Nguyễn Văn T, tặng cho ông Nguyễn Công H ngày 23/3/2016.

Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Bảo đảm cho hợp đồng tín dụng ông H, bà M đã thế chấp cho Ngân hàng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U *****, diện tích đất 6040m², thửa đất số 310, tờ bản đồ số 3, địa chỉ thửa đất: Xã E1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 24/12/2001 mang tên hộ Nguyễn Văn T, tặng cho ông Nguyễn Công H ngày 23/3/2016. Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0436/2016/TC/CK ngày 21/4/2016 giữa ông H, bà M với Ngân hàng được công chứng tại Văn phòng công chứng C, tỉnh Đắk Lắk, việc đăng ký thế chấp của các bên là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Đây là hợp đồng thế chấp hợp pháp. Trong trường hợp ông H, bà M không trả được khoản nợ trên cho Ngân hàng S thì xử lý tài sản thế chấp của ông H, bà M theo quy định của pháp luật để thu hồi công nợ.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông H, bà M phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng.

Ngân hàng S được nhận lại 2.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp khi Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Ana thu được tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ của ông H, bà M.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.774.000 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; các điều 299, 317, 322, 323 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S.

Buộc ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị M phải trả cho Ngân hàng S 375.497.620 đồng (*ba trăm bảy mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm hai mươi đồng*). Trong đó tiền nợ gốc là 298.000.000 đồng; tiền lãi tính đến ngày 13/11/2019 là 77.497.620 đồng.

Kể từ tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Sau khi ông H, bà M trả nợ xong thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho ông H, bà M 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U ***** do UBND huyện K cấp ngày 24/12/2001 mang tên hộ Nguyễn Văn T, tặng cho ông Nguyễn Công H ngày 23/3/2016.

Trường hợp ông H, bà M không trả được nợ cho Ngân hàng thì xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng, tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0436/2016/TC/CK ngày 21/4/2016 gồm Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U *****, diện tích đất 6040m², thửa đất số 310, tờ bản đồ số 3, địa chỉ thửa đất: Xã E1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 24/12/2001 mang tên hộ Nguyễn Văn T, tặng cho ông Nguyễn Công H ngày 23/3/2016.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị M phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*). Ngân hàng S được nhận lại 2.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ sau khi thu được của ông H, bà M.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 18.774.000 đồng (*mười tám triệu bảy trăm bảy mươi tư nghìn đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng S (trả cho phòng giao dịch C – chi nhánh Đ - Ngân hàng S, địa chỉ: Buôn E, xã B1, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk) số tiền tạm ứng án phí 9.658.000 đồng (*chín triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai số: 3569 ngày 26/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Ana;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Ngọc